

ÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2026-2027																											
TRƯỜNG PTDTNT THCS & THPT BÌNH GIA																											
(Kèm theo Công văn số 2640/SGDDT-GDTrH ngày 17/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn)																											
STT	Số CCCD/ định danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Tỉnh (thường trú)	Xã/phường (thường trú)	Thôn (thường trú)	Thường trú trên 36 tháng tại khu vực ĐBKK (1 hoặc 0)	Xã/phường (nơi hoàn thành CTGD THCS)	Trường THCS (nơi HS đang học)	TBM1	TBM2	TBM3	Điểm kk THPT	Điểm UT THPT	Tuyển thẳng	Phòng thi	SBD	Điểm toán	Điểm Văn	Điểm Anh	Tổng điểm	Diện trúng tuyển	Ghi chú (ghi rõ lý do trúng tuyển)	Trường trúng tuyển
1		HOÀNG THỊ LAN ANH										PTDTBT THCS Hoa Thám	9.2	8.7	8.7	0,00	1,00	0	1	280006	9,00	8.5	7.75	26.25	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
2		ĐINH TUẤN QUANG										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	8.1	7.7	9.7	0,00	1,00	0	4	280095	8.75	6.5	9.5	25.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
3		HOÀNG THỊ YẾN NHI										PTDTBT THCS Hoa Thám	8.8	8.2	8.3	0,00	1,00	0	4	280078	8.75	8,00	7.25	25,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
4		TRIỆU THỊ THANH YẾN										PTDTBT Tiểu học và THCS Bình La	7.5	8,00	7.6	0,00	1,00	0	6	280140	8.5	8.5	6.75	24.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
5		LÂM DUY NHẬT										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	9,00	7.7	7.4	0,00	1,00	0	3	280072	9.25	7.5	6.75	24.5	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
6		ĐẶNG PHÚC BẢO THIÊN										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	8.1	8.2	8.4	0,00	1,00	0	5	280104	8.75	6.5	7.5	23.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
7		HOÀNG NGỌC HUY										PTDTBT Tiểu học và THCS Tân Hòa	7.3	7.7	7.8	0,00	1,00	0	2	280048	8.25	7.25	6.5	23,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
8		HOÀNG NGỌC HÂN										PTDTBT THCS Hoa Thám	8.5	7.7	7.8	0,00	1,00	0	2	280032	8.75	8,00	4.75	22.5	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
9		HOÀNG HAO YẾN										PTDTBT Tiểu học và THCS Tân Hòa	7.2	8.6	7.8	0,00	1,00	0	6	280137	7.75	8,00	5.25	22,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
10		LÝ THU VÂN										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	7.5	8.1	6.6	0,00	1,00	0	6	280126	7.5	8.25	5,00	21.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
11		HOÀNG THU NGÀ										PTDTBT THCS Hoa Thám	8.1	7.6	7.7	0,00	1,00	0	3	280066	7.75	8.25	4.5	21.5	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
12		LÝ THÁI HOÀNG										PTDTBT Tiểu học và THCS Quý Hoà	7.2	7.7	6.2	0,00	1,00	0	2	280041	7.5	7.5	5.5	21.5	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
13		ĐẶNG NGUYỄN NGỌC THIÊN										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	7.4	8.1	7,00	0,00	1,00	0	5	280103	8,00	7.5	4.75	21.25	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
14		TRIỆU THỊ HẰNG										PTDTBT Tiểu học và THCS Tân Hòa	7.6	7.1	7.6	0,00	1,00	0	2	280033	8,00	7.5	4.5	21,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
15		NÔNG THỊ THẢO UYÊN										PTDTBT THCS Hưng Đạo	8.6	8.6	8.2	0,00	1,00	0	6	280125	7.25	6.5	6.25	21,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
16		HOÀNG BẠCH DƯƠNG										PTDTBT THCS Hoa Thám	7.6	8.1	7.6	0,00	1,00	0	1	280014	7.25	7.75	4.75	20.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
17		LÂM THỊ ÁNH TUYẾT										PTDTBT THCS Quang Trung	8.1	8.3	7,00	0,00	1,00	0	6	280123	8.25	7.5	4,00	20.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
18		HOÀNG NGỌC LINH										PTDTBT THCS Yên Lỗ	8.8	6.9	7,00	0,00	1,00	0	3	280055	8,00	7,00	4.75	20.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
19		ĐÀM THỊ THU HẰNG										PTDTBT THCS Quang Trung	8.8	8.9	7,00	0,00	1,00	0	2	280034	7.75	8,00	3.75	20.5	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
20		LÂM CHÂN HẢI										PTDTBT Tiểu học và THCS Quý Hoà	7.6	8,00	6.3	0,00	1,00	0	2	280029	7.25	8.5	3.75	20.5	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
21		HOÀNG THU HƯỜNG										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	8,00	7.6	6.7	0,00	1,00	0	2	280047	7.5	6.75	5,00	20.25	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
22		LÔ THỊ THẢO VY										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	7.4	8.1	6.5	0,00	1,00	0	6	280134	6.75	8,00	4.5	20.25	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
23		HOÀNG NHẬT DƯƠNG										PTDTBT THCS Quang Trung	8.1	6.6	7.3	0,00	1,00	0	1	280015	6.75	5.75	6.5	20,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
24		BÀN GIA HÂN										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	7.1	7.6	6.6	0,00	1,00	0	2	280031	8,00	6.25	4.75	20,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
25		LÝ THỊ THU HOÀI										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	7.7	7.6	6.5	0,00	1,00	0	2	280038	8,00	7.25	3.75	20,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
26		HOÀNG DUY QUANG										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	7.1	7.3	8.7	0,00	1,00	0	4	280094	4.75	5.75	8.25	19.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1	Học sinh học cấp THCS của trường DNNT Bình Gia	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
27		HỨA THỊ THANH THÚY										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	7,00	8,00	6.8	0,00	1,00	0	5	280111	8,00	5.25	5.5	19.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1	Học sinh học cấp THCS của trường DNNT Bình Gia	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
28		PHAN THANH THUY										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	7,00	7.7	6.5	0,00	1,00	0	5	280109	7.5	7,00	4.25	19.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1	Học sinh học cấp THCS của trường DNNT Bình Gia	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
29		HOÀNG THỊ KIỀU GIANG										PTDTBT THCS Hưng Đạo	8,00	7.5	7.3	0,00	1,00	0	2	280025	7,00	7.5	4.25	19.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 1	Dân tộc Tày, có tỉ lệ tham gia học tại trường ở mức thấp	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
30		HÀ THỊ KIỀU VY										PTDTBT THCS Hoa Thám	6.6	6.6	6.9	0,00	1,00	0	6	280133	5.75	7.75	3.5	18,00	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhất Xã Hoa Thám	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
31		HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG										PTDTBT THCS Hưng Đạo	7.7	7.8	7.6	0,00	1,00	0	5	280119	6.75	7,00	2.5	17.25	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhì xã Hoa thám - Con mồ côi	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
32		NGUYỄN LÂM TÂM ANH										THCS Minh Khai	7.8	8.1	7.2	0,00	1,00	0	1	280003	6.25	6.25	6,00	19.5	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhất Xã Hồng Phong	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
33		LÝ LÂM HUY HOÀNG										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	7.6	7.3	6.8	0,00	1,00	0	2	280040	6.75	6.25	5.25	19.25	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhì xã Hồng Phong	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
34		TRƯƠNG THU HOÀI										PTDTBT Tiểu học và THCS Quý Hoà	7.5	8.3	6.7	0,00	1,00	0	2	280039	6,00	8.5	3.5	19,00	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhất Xã Quý Hòa	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
35		HOÀNG THỊ THANH THẢO										PTDTBT Tiểu học và THCS Quý Hoà	7.5	8.8	6.9	0,00	1,00	0	5	280101	6.25	8.25	2.5	18,00	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhì xã Quý Hòa	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
36		HOÀNG THỊ MINH THU										PTDTBT Tiểu học và THCS Hồng Thái	7.1	6.5	7.1	0,00	1,00	0	5	280108	7,00	5,00	5.5	18.5	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhất Xã Tân Văn	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
37		CHU THẾ HIỆP										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	7.2	7.3	6.3	0,00	1,00	0	2	280036	7.25	7.25	2.5	18,00	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhì xã Tân văn	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
38		TRIỆU LÊ DUY										PTDTBT THCS Yên Lỗ	8.8	6.8	6.5	0,00	1,00	0	1	280019	7.25	5.5	3.75	17.5	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhất Xã Thiện Hòa	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
39		LÂM THỊ HÀ										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	7.5	7.3	6.6	0,00	1,00	0	2	280027	6.75	6.75	2.75	17.25	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhì xã Thiện Hòa	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
40		HOÀNG HOÀNG HUNG										PTDTBT Tiểu học và THCS Tân Hòa	8.1	7.7	7.9	0,00	1,00	0	2	280046	7,00	7,00	4.5	19.5	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhất Xã Thiện Long	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
41		MA THỊ TÂM NHƯ										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	7.6	7.5	6.5	0,00	1,00	0	4	280083	8,00	6.25	4,00	19.25	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhì xã Thiện Long	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
42		HOÀNG THỊ BÍCH PHƯỢNG										PTDTBT THCS Quang Trung	8,00	8.2	6.7	0,00	1,00	0	4	280091	7.75	8,00	3,00	19.75	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhất Xã Thiện Thuật	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia

STT	Số CCCD/ định danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Tỉnh (thường trú)	Xã/phường (thường trú)	Thôn (thường trú)	trên 36 tháng tại khu vực ĐBK (1 hoặc 0)	Xã/phường (nơi hoàn thành CTGD THCS)	Trường THCS (nơi HS đang học)	TBM1	TBM2	TBM3	Điểm kk THPT	Điểm UT THPT	Tuyển thẳng	Phòng thi	SBD	Điểm toán	Điểm Văn	Điểm Anh	Tổng điểm	Diện trúng tuyển	Ghi chú (ghi rõ lý do trúng tuyển)	Trường trúng tuyển
43		TRIỆU HOÀNG NGUYỄN										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	7.7	7.2	5.8	0,00	1,00	0	3	280069	6.75	6,00	5.75	19.5	Chuẩn xã V2- nhóm Thường trú 1	Cao nhì xã Thiện Thuật - Học sinh học cấp THCS của trường DNNT Bình Gia	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
44		LÃNG HƯƠNG GIANG										PTDTBT THCS Quang Trung	8.5	8.2	7,00	0,00	1,00	0	1	280023	7.75	7.5	3.25	19.5	Chuẩn xã V3- nhóm Thường trú 1	Điểm cao nhất còn lại	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
45		LÝ HỒNG ÁNH										PTDTBT THCS Quang Trung	8.1	8,00	6.8	0,00	1,00	0	1	280002	7,00	7.75	3,00	18.75	Chuẩn xã V3- nhóm Thường trú 1	Điểm cao nhì còn lại	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
46		VY THÀNH SON										PTDTBT THCS Hòa Bình	6.5	7.3	6.9	0,00	1,00	0	4	280096	5,00	7,00	5.5	18.5	Chuẩn xã V3- nhóm Thường trú 1	Điểm cao thứ ba còn lại	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
47		LÂM THỊ MẠO										PTDTBT THCS Quang Trung	8.3	7.9	7.5	0,00	1,00	0	3	280059	6.5	7,00	4,00	18.5	Chuẩn xã V3- nhóm Thường trú 1	Điểm cao thứ tư còn lại	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
48		LÂM THỊ CHIẾN										PTDTBT THCS Thiện Thuật	7.6	7.3	7.8	0,00	1,00	0	1	280009	7,00	7.75	2.5	18.25	Chuẩn xã V3- nhóm Thường trú 1	Điểm cao thứ năm còn lại. Điểm bài thi môn Toán 7 điểm	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
49		VY VIỆT HOÀNG										PTDTBT THCS Thiện Thuật	6.5	6.9	7.7	0,00	1,00	0	2	280042	6.5	6,00	4.75	18.25	Chuẩn xã V3- nhóm Thường trú 1	Điểm cao thứ sáu còn lại. Điểm bài thi môn Toán 6,5	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
50		HOÀNG THỊ THANH NHÂN										THCS Hoàng Văn Thụ	9.1	7.9	6.5	1,00	1,00	0	6	010130	8.5	8.25	6.75	24.5	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
51		NGÔ SỸ LUÂN										PTDTBT THCS Thiện Long	7.1	7.7	7.4	1,00	1,00	0	3	280057	8.5	7.25	7.75	24.5	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
52		PHẠM HOÀNG VINH										THCS Hoàng Văn Thụ	7.6	6.2	8.3	1,00	1,00	0	6	280127	8.25	6,00	8.5	23.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
53		ĐỖ HUỆ LINH										THCS Hoàng Văn Thụ	7.6	8.6	6.8	1,00	1,00	0	3	280054	7.25	8,00	7,00	23.25	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
54		NÔNG NGỌC TÍNH										THCS Tân Văn	7.2	8.1	8.5	1,00	1,00	0	5	280113	6.75	6.5	8.5	22.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
55		TÔ THU TRANG										THCS Hoàng Văn Thụ	8.8	8.2	6.6	1,00	1,00	0	6	280121	7,00	8.25	6,00	22.25	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
56		NÔNG THỊ NGỌC HỒNG										THCS Hoàng Văn Thụ	9,00	8.6	4,00	1,00	1,00	0	2	280043	8.75	7.75	4.5	22,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
57		HOÀNG THỊ KIM PHƯỢNG										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	8,00	8,00	6.9	1,00	1,00	0	4	280092	7.75	8,00	5.25	22,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
58		ĐỖ TRUNG KIÊN										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	8,00	8.5	6.6	1,00	1,00	0	3	280051	8.5	8,00	4.5	22,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
59		HOÀNG THỊ THẢO NGUYỄN										THCS Tân Văn	8.7	7.9	7.2	1,00	1,00	0	3	280071	8.75	7,00	5.25	22,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
60		HOÀNG KIỀU TRANG										THCS Tân Văn	7.4	8.1	8.2	1,00	1,00	0	5	280117	7.5	7,00	6.5	22,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
61		HOÀNG HOÀI PHƯƠNG										PTDTBT THCS Hoa Thám	9,00	8.5	8,00	1,00	1,00	0	4	280089	8,00	8,00	4.25	21.25	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
62		TỬ HẢI NHI										THCS Hoàng Văn Thụ	8.7	8.2	7.7	1,00	1,00	0	4	280075	7.25	7.25	5.5	21,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
63		NÔNG MINH QUÂN										THCS Hoàng Văn Thụ	6.5	6.7	7,00	1,00	1,00	0	4	280093	7,00	6,00	6,00	20,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2	Cao nhất xã Bình Gia	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
64		HOÀNG THANH LAM										PTDTBT THCS Hoa Thám	7.7	8,00	8.3	1,00	1,00	0	3	280052	6.75	7.5	4.5	19.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2	Cao nhất xã Hoa Thám	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
65		NÔNG THỊ BẢO NGỌC										PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	8.6	8.1	6.5	1,00	1,00	0	3	280068	8.5	8.25	3,00	20.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2	Cao nhất xã Hồng Phong	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
66		ĐẶNG THỊ HÀ VY										PTDTBT Tiểu học và THCS Vĩnh Yên	8.5	7.7	7.8	1,00	1,00	0	6	280132	6.25	7,00	3.75	18,00	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2	Cao nhất xã Quý Hòa. Điểm bài thi môn Toán cao nhất	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
67		HOÀNG THỊ KIM NGÂN										PTDTBT Tiểu học và THCS Bình La	6.5	6.6	7.4	1,00	1,00	0	3	280067	4.5	7,00	4.25	16.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2	Cao nhất xã Tân Văn	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
68		HOÀNG MINH CHUYỀN										PTDTBT THCS Thiện Hóa	7.8	7.7	6.5	1,00	1,00	0	1	280011	7.25	6.75	3.75	18.75	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2	Cao nhất xã Thiện Hóa	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
69		NGÔ THỊ KIM THƯ										PTDTBT THCS Thiện Long	7.5	8.2	7.5	1,00	1,00	0	5	280107	7.75	6,00	4.5	19.25	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2	Cao nhất xã Thiện Long	Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia
70		LÃNG THỊ TUYỀN										THCS Hoàng Văn Thụ	8.6	8,00	7.2	1,00	1,00	0	6	280122	6.75	8,00	3.75	19.5	Chuẩn xã V1- nhóm Thường trú 2		Trường PTDTNT THCS&THPT Bình Gia

(Danh sách gồm có 70 học sinh)

G TUYÊN LỚP 10 NĂM HỌC 2026-2027																									
TRƯỜNG PTDTNT THCS&THPT HUYỆN BÌNH GIA																									
(Kèm theo Công văn số 2640/SGDDT-GDTrH ngày 17/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn)																									
STT	Số CCCD/ định danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Tỉnh (thường trú)	Xã/phường (thường trú)	Thôn (thường trú)	Thường trú trên 36 tháng tại khu vực ĐBKK (1 hoặc 0)	Xã/phường (nơi hoàn thành CTGD THCS)	Trường THCS (nơi HS đang học)	TBM1	TBM2	TBM3	Điểm kk THPT	Điểm UT THPT	Phòng thi	SBD	Điểm toán	Điểm Văn	Điểm Anh	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1		HOÀNG THỊ TÂM	Nữ									PTDTBT THCS Thiện Thuật	6,40	7,20	6,10	0,00	1,00	5,00	280097	6,25	6,50	4,50	18,25	Dự phòng 1- Nhóm 1	Điểm cao nhất còn lại
2		LÃNG MAI HUỆ	Nữ									PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	6,70	7,20	6,00	0,00	1,00	2,00	280045	6,00	7,00	4,00	18,00	Dự phòng 2- Nhóm 1	Điểm cao nhì còn lại
3		LÝ VĂN TÍNH	Nam									PTDTBT Tiểu học và THCS Quý Hoà	7,80	8,30	6,60	0,00	1,00	5,00	280114	6,50	6,75	3,50	17,75	Dự phòng 3- Nhóm 1	Điểm cao thứ 3 còn lại - Mẹ côi cha
4		LƯƠNG ĐỨC MẠNH	Nam									PTDTBT THCS Hoa Thám	8,10	6,60	6,90	1,00	1,00	3,00	280058	7,75	6,75	4,00	19,50	Dự phòng 1- Nhóm 2	Điểm cao nhất còn lại
5		LÊ QUỲNH NHƯ	Nữ									PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	6,50	7,60	5,00	1,00	1,00	4,00	280081	7,25	6,50	4,25	19,00	Dự phòng 2- Nhóm 2	Điểm cao nhì - Học sinh học cấp THCS của trường DNNT Bình Gia
6		HOÀNG THANH HẢO	Nữ									THCS Tô Hiệu	7,70	7,40	6,40	1,00	1,00	2,00	280035	5,50	7,00	5,50	19,00	Dự phòng 3- Nhóm 2	

(Danh sách gồm có 06 học sinh)